TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 11/2019/DS-ST Ngày: 21/3/2019 *"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm;

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu- Kiểm sát viên;

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST- DS ngày 16 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn G - Chuyên viên quản lý nợ phòng Kiểm sát rủi ro – Ngân hàng TMCP S chi Nhánh Đ (Có mặt);

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Vũ Ngọc Q - Sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn G trình bày có nội dung:**

Ngày 18/5/2016, ông Vũ Ngọc Q có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Vũ Ngọc Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Vũ Ngọc Q. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Vũ Ngọc Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 11.532.107đ. Tuy nhiên, do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/02/2017. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông Q trả nợ nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ.

Nay ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 11.532.107đ; nợ lãi quá hạn: 11.557.410đ; tổng cộng là: 23.089.517đ (Lãi suất tạm tính đến ngày 21/3/2019); đồng thời ông Vũ Ngọc Q tiếp tục chịu trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự;

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Ngày 18/5/2016, ông Vũ Ngọc Q có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Vũ Ngọc Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 11.532.107đ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông vẫn không chịu trả. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 11.532.107đ; nợ lãi quá hạn: 11.557.410đ; tổng cộng là: 23.089.517đ (Lãi suất tạm tính đến ngày 21/3/2019); đồng thời ông Vũ Ngọc Q tiếp tục chịu trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có có sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bị đơn ông Vũ Ngọc Q phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khoản tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2] Về thủ tục tố tụng:** Xét thấy bị đơn ông Vũ Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3] Về nội dung tranh chấp:** Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa ông Vũ Ngọc Q và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 18/5/2016 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Theo giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng nói trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phát hành cho ông Vũ Ngọc Q 01 thẻ tín dụng cá nhân với hạn mức thẻ là 15.000.000đ. Quá trình sử dụng thẻ, ông Vũ Ngọc Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 11.532.107đ. Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/02/2017. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng đến nay ông Q vẫn chưa trả được nợ cho ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc bị đơn ông Vũ Ngọc Q phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 11.532.107đ; nợ lãi quá hạn: 11.557.410đ; tổng cộng là: 23.089.517đ (Lãi suất tạm tính đến ngày 21/3/2019) là có cơ sở chấp nhận.

Ông Vũ Ngọc Q còn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được ký kết giữa ông Vũ Ngọc Q và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kể từ ngày 22/3/2019 cho đến khi trả xong nợ.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí là: 23.089.517đ x 5% = 1.154.000đ.

Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Buộc ông Vũ Ngọc Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gồm: 11.5032.107đ nợ gốc và 11.557.410đ nợ lãi; tổng cộng là: 23.089.517đ (Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười bảy đồng) (Lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 21/3/2019).

Ngoài ra, ông Vũ Ngọc Q còn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 22/3/2019 đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc trên. Lãi suất được tính theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa ông Vũ Ngọc Q và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Đ.

- Về án phí:

Bị đơn ông Vũ Ngọc Q phải chịu 1.154.000đ (Một triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 466.000đ tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004006 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương